TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 01 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Bà Bùi Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2023/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và các lời khai tại Tòa án bà Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau vào năm 1984, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông D thường xuyên nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà xác định có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Ni, sinh năm 1985; Nguyễn Trường Duy, sinh năm 1987 và Nguyễn Hải Nguyên, sinh năm 1988. Hiện tại các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà Nguyễn Thị N nhưng ông D không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông D vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa ông, bà được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn D tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông D vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ cư trú tại ấp Bào Vũng, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau vào năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, bà N và ông D chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 dù không có đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông D, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông D thường xuyên nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông D không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà N, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội

đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông D là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà N xác định có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Ni, sinh năm 1985; Nguyễn Trường Duy, sinh năm 1987 và Nguyễn Hải Nguyên, sinh năm 1988. Hiện tại các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên bà N không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Bà N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 53 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

[1] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009676 ngày 30/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hiền